TÒA ÁN NHÂN DÂN **Quận Bình Thủy** **Thành phố Cần Thơ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2017/HN-ST
Ngày: 07/6/2017
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THUỶ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Phùng Kim Toan***
- Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông ***Nguyễn Phú Hùng***
2/ Ông ***Lý Thanh Bình***

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông ***Cao Hữu Sáng*** – Cán bộ Tòa án Nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy:* Ông ***Phạm Văn Tú*** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 247/2016/TLST - HN ngày 14/10/2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2017/QĐST – HNGĐ ngày 12/5/2017 về việc "Xin ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà ***Lê Thị T***, sinh năm 1963

Địa chỉ: 133/7, Tổ 7, khu vực Bình Yên B, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, có mặt.

Bị đơn: Ông ***Phạm Văn D***, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 133/7, Tổ 7, khu vực Bình Yên B, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NHẬN THẤY

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 04/9/1998, bà và ông Phạm Văn D tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới, hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống. Ông D thường xuyên uống rượu và có hành vi la mắng, chửi bới bà và các con. Ông D không chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài và ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình và chính

quyền địa phương có hòa giải nhưng không thể đoàn tụ được. Hiện nay bà thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về nuôi con: Bà và ông Phạm Văn D có 03 con chung tên là Phạm Thị D1 (nữ), sinh năm 1980; Phạm Thị Đ (nữ), sinh năm 1983; Phạm Thành X (nam), sinh năm 1985. Tất cả các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản: tài sản chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Ông Phạm Văn D xác định: ngày 04/9/1998, ông và bà Lê Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới, hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống, ông thường xuyên uống rượu và có hành vi la mắng, chửi bới vợ và các con, không chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài và ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình và chính quyền địa phương có hòa giải nhưng không thể đoàn tụ được. Ông bà đã sống ly thân gần 08 năm nay. Mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Tuy nhiên, ông cho rằng tình cảm của ông dành cho bà T vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: ông bà có 03 con chung: cháu Phạm Thị D1 (nữ), sinh năm 1980 ; cháu Phạm Thị Đ (nữ), sinh năm 1983; cháu Phạm Thành X (nam), sinh năm 1985; đều đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phân tích, động viên, hòa giải nhưng các đương sự vẫn không thống nhất phương án giải quyết nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về con chung: ông bà có 03 con chung: cháu Phạm Thị D1 (nữ), sinh năm 1980 ; cháu Phạm Thị Đ (nữ), sinh năm 1983; cháu Phạm Thành X (nam), sinh năm 1985; đều đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông bà xác định không có nợ chung.

Phía bị đơn ông Phạm Văn D vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày. Ông không đồng ý ly hôn. Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về chia tài sản: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy u ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát không phát biểu gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp thuộc ngành luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Xét cuộc hôn nhân giữa bà T và ông D đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông D thường xuyên uống rượu, ghen tuông, đánh đập bà. Bà nhiều lần khuyên nhủ, động viên ông D nhưng không có kết quả. Bà và ông D ly thân hơn một năm nay nhưng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng trầm trọng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn D. Ông Phạm Văn D cho rằng tình cảm của ông dành cho bà T vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương quan tâm chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình. Tại phiên tòa hôm nay bà T cho rằng tình cảm vợ chồng của ông bà không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông D không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp thiết thực hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó thiết nghĩ nên chấp thuận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T đối với ông Phạm Văn D là phù hợp.

Về nuôi con: ông bà có 03 con chung: cháu Phạm Thị D1 (nữ), sinh năm 1980 ; cháu Phạm Thị Đ (nữ), sinh năm 1983; cháu Phạm Thành X (nam), sinh năm 1985; đều đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T cho rằng bà và ông D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó tách phần tài sản ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

<u>Áp dụng</u>:

- Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 262, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà ***Lê Thị T*** với ông ***Phạm Văn D***

2. Về con chung: đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải nộp 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 006802 ngày 11/10/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận*
- VKSND Q. Bình Thủy
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy
- Các đương sự
- UBND P. Long Hòa, QBT
- Lưu HS

Phùng Kim Toan